

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ - ST
Ngày 11/02/2020
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Tý

2. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa : Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2019/TLST - HNGĐ, ngày 06/12/2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX ST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt” (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Triệu Trung H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Bàn Thị T trình bày: Chị và anh Triệu Trung H chung sống từ năm 1994, ngày 26/6/2004 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 do anh H nghiện ma túy và trộm cắp vật nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ, anh H còn đánh đập chị. Bản thân chị đã khuyên bảo cho anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ năm 2019 cho đến nay chị đã bỏ đi sinh sống nơi khác, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có ba con chung đều đã trưởng thành, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn N, xã N, huyện V được bà Triệu Thị C là mẹ đẻ anh H cho biết việc kết hôn giữa chị T và anh H được gia đình tổ chức cưới hỏi năm 1994, hai anh chị có 3 con chung đã trưởng thành, anh H là người nghiện ma túy, nhiều lần đánh vợ con. Sau khi nhận được giấy báo của Tòa án về việc chị T xin ly hôn, vợ chồng anh chị có đánh cãi nhau, chị T bỏ đi ở với con gái còn anh H vì không muốn ly hôn nên nói là đi làm ăn không lên Tòa giải quyết.

Xác minh cán bộ tư pháp xã Nậm Búng cho biết: Chị T và anh H đăng ký kết hôn ngày 26/6/2004, trên thực tế anh chị sống chung từ năm 1994. Quá trình sống chung do anh H nghiện ma túy nên vợ chồng mâu thuẫn, cùng với đó các con trai của anh chị cũng nghiện ma túy nên chị T đã về sinh sống tại nhà con gái, hiện vợ chồng không sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa.

Xác minh Trưởng công an xã N huyện V cho biết: Triệu Trung H là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thường lang thang thi thoảng tối mới ở nhà vì lo sợ đưa đi cai nghiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chị T vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn anh Triệu Trung H; về con chung: Các con chung đã trưởng thành không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập số: và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Triệu Trung H vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị Bàn Thị T vắng mặt đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý

do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Hưng.

[2] Chị Bàn Thị T và anh Triệu Trung H chung sống từ năm 1994, ngày 26/6/2004 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Búng, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về sự có mặt của anh Triệu Trung H tại địa phương, về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T anh H tại Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái và được cung cấp: Anh Triệu Trung H là người sử dụng trái phép chất ma túy ở địa phương, anh H thường đi lang thang thi thoảng mới về nhà, công an xã đã báo gọi nhiều lần để làm việc nhưng anh H cố tình trốn tránh cho thấy anh H cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H sử dụng ma túy. Từ đầu năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân, hiện tại chị T và anh H không còn tình cảm, không còn sự quan tâm đến nhau nữa thể hiện hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có ba con chung là Triệu A K, sinh năm 1994; Triệu Thị T, sinh năm 1995; Triệu A N, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị **Bàn Thị T** được ly hôn anh **Triệu Trung H**.

2. Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0004020 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị T và anh Triệu Trung H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long

